

Bản án số: 60/2020/HSST  
Ngày 27-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thao

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Đình Chính

Bà Nguyễn Thị Băng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:***  
Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2020/HSST ngày 02-10-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/HSST-QĐ ngày 13-11-2020, đối với bị cáo:

**- Trần Đình T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14-02-1970, tại Lào Cai; HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Đình P (đã chết); con bà: Vũ Thị Ph (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Năm 2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” (đều đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15-7-2020 đến ngày 28-8-2020. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Phạm Văn L, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 09-6-2020 và ngày 10-6-2020, Trần Đình T đã điều khiển mô tô nhãn hiệu Honda Blade đến khu vực xưởng sửa chữa tàu của anh Phạm Văn L tại thôn X, xã L, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Quan sát thấy không có người trông coi nên Trần Đình T đã bốn lần trộm cắp tài sản tại xưởng sửa chữa tàu của anh L, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 09-6-2020, Trần Đình T đã trộm cắp 02 bàn ép lá côn mỗi chiếc đường kính 40cm, nặng 37kg rồi sau đó dùng xe mô tô chở từng chiếc mang đến bán cho chị Trần Thị H trú tại khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái với giá mỗi chiếc là 200.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09-6-2020, Trần Đình T trộm cắp 01 thanh ray đường sắt có chiều dài 1,8m, cao 10cm, nặng 39 kg rồi dùng xe mô tô chở đem bán cho chị H với giá là 200.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 10-6-2020, Trần Đình T trộm cắp 01 tấm mặt bích (tấm thép hình tròn) đường kính 40cm nặng 35 kg và 10 tấm mặt bích mỗi chiếc có đường kính là 14cm, nặng 1,15kg. Sau khi lấy được tài sản, T dùng xe mô tô mang 11 tấm mặt bích đến bán cho chị H với giá là 200.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10-6-2020, Trần Đình T trộm cắp 01 hộp số tàu thủy (loại A16) cao khoảng 40cm, nặng 57kg, sau đó T dùng xe mô tô chở đến bán cho chị H với giá là 250.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Đình T bán tài sản trộm cắp được là 1.050.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 11-6-2020, anh Phạm Văn L ra xưởng sửa chữa tàu thì phát hiện bị mất tài sản và đã trình báo Công an xã L, thành phố Y. Trần Đình T đã bị cơ quan điều tra triệu tập và khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 bàn ép lá côn, 01 thanh ray đường sắt, 01 hộp số tàu thủy, 10 tấm mặt bích.

Tại bản kết luận định giá số: 21/KL-HĐĐGTS ngày 20-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Yên Bái kết luận:

- 02 bàn ép lá côn bằng sắt tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- 01 thanh ray đường sắt dài 1,8m cao 10cm, nặng 39kg tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá là 195.000 đồng (Một trăm chín mươi năm nghìn đồng).

- 10 tấm mặt bích (đường kính mỗi chiếc là 14cm, dày 01cm, nặng 1,15kg) tổng trọng lượng là 11,5kg tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 hộp số tàu thủy cao 40cm, nặng 57kg, hai đầu có bánh xoay tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 14-8-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Yên Bái kết luận:

- 01 tấm thép hình tròn, đường kính 40cm, nặng 35kg tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá là 175.000 đồng (Một trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Cáo trạng số 53/CT-VKS-TP ngày 02-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố Trần Đình T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội: Trộm cắp tài sản; Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đình T: từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, được khấu trừ 45 ngày tạm giam bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng bị thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 09-6-2020 và ngày 10-6-2020 tại thôn X, xã L, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Trần Đình T đã có hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản là 02 bàn ép lá côn, 11 tấm mặt bích, 01 thanh ray đường sắt, 01 hộp số tàu thủy với tổng giá trị là 3.720.000 đồng của anh Phạm Văn L. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đã gây mất trật tự, an toàn và trị an cho xã hội. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo Trần Đình T là đối tượng nghiện chất ma túy, có nhân thân xấu. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức điều chỉnh

mọi hành vi, hoạt động bản thân, bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, nhằm thỏa mãn nhu cầu bất chính của bản thân nên cố ý thực hiện tội phạm. Năm 2005 và năm 2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” (đều đã được xóa án tích). Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện, sửa đổi bản thân. Đây là thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với chị Trần Thị H là người mua tài sản của Trần Đình T nhưng chị H không biết nguồn gốc tài sản do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Trần Đình T, do Thường không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Đình T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

[8] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với 02 bàn ép lá côn, 10 tấm mặt bích, 01 thanh ray đường sắt, 01 hộp số tàu thủy, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn L là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện tội phạm, do T đã bán cho một người không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không thu hồi được. Do đó không có căn cứ để xử lý.

- Đối với 01 tấm mặt bích có đường kính 40cm cơ quan điều tra không thu hồi được, anh L cũng không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Phạm Văn L và chị Trần Thị H đều không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Trần Đình T 09 (chín) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 45 ngày tạm giam (từ ngày 15-7-2020 đến ngày 28-8-2020). Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 15 (mười năm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

**3. Về án phí:** Buộc bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

### **4. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Kể ngày bản án có hiệu lực bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TA tỉnh; Sở Tư pháp
- VKSTP, THATP, CATP;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Thao**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thao**